

Bản án số: 30/2026/HS-PT  
Ngày 29-01-2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tông.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Lê Thị Bích Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 175/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh.

**- Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; CCCD: 072084000829 cấp ngày 10-3-2024; nơi cư trú: Tổ H, ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 và bà Mai Thị S, sinh năm 1957; có vợ là chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 14-02-2025 tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tây Ninh cho đến nay; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Anh Tích L, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

(Trong vụ án còn có bị hại Huỳnh Văn H: Không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12-2021, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 02, diện tích 27554m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983, ngụ thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (Chỗ ở: Chung cư S số G, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương) muốn tăng giá trị thửa đất để bán lại kiếm lời, nhưng do thời điểm này Nhà nước đang siết chặt việc phân lô, tách thửa đất trên cả nước, tại tỉnh Tây Ninh cũng có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đang siết chặt việc phân lô, tách thửa đất, công nhận đường trên giấy đất nên ông T1 không thể đến cơ quan chức năng để làm thủ tục xin mở đường, tách thửa đất được mà phải nhờ người môi giới lên lút đi cửa sau gặp người có chức vụ, quyền hạn để hỏi lộ thì mới có thể xin mở đường, tách thửa đất được. Do đó, ông T1 đã kêu Nguyễn Văn K1, sinh năm 1986, ngụ ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh tìm người “chạy lo” hồ sơ thủ tục để xin mở 02 con đường đất với chiều ngang 8m, chiều dài 207m dọc đi qua thửa đất và tách thành 03 thửa đất.

Qua môi giới mua bán đất, Văn K1 hỏi Huỳnh Tấn T2, sinh năm 1980, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có quen biết ai có thể giúp chạy lo làm hồ sơ mở đường, tách thửa đất thì T2 trả lời có quen “Sếp” trong quân đội, để hỏi thăm rồi trả lời sau. Sau đó, T2 gặp và hỏi Huỳnh Văn H, sinh năm 1973, ngụ ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh thì H nói để đi hỏi sếp rồi trả lời. Sau đó, ông T1 đến quán nước đầu Kênh T thuộc xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh) gặp H, Văn K1 và T2. Tại đây, Văn K1 giới thiệu với ông T1 là H và T2 là hai “Sếp” giúp ông T1 chạy lo hồ sơ.

Sau đó, H gọi điện thoại nói cho Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1984, ngụ khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh khi đó giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh biết việc ông T1 nhờ chạy lo hồ sơ xin mở đường, tách thửa. Hơn gửi qua Zalo hình ảnh bản sao giấy tờ đất thửa đất số 44, tờ bản đồ số 02, diện tích 27.554m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, do ông T1 đứng tên và bản vẽ dự thảo việc mở 02 con đường qua Zalo của Tuấn K, rồi nhờ Tuấn K chạy lo hồ sơ. Khi nghe H nhờ chạy lo, Tuấn K biết vào thời điểm này tại tỉnh Tây Ninh có văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đang siết chặt việc phân lô, tách thửa đất, công nhận đường trên giấy đất nên không thể hỏi lộ người có chức vụ, quyền hạn để xin mở đường, tách thửa đất, nhưng do đang thiếu nợ nên Tuấn K nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của H để lấy tiền trả nợ. Do vậy, Tuấn K nói với H có thể “chạy lo” hồ sơ thủ tục xin mở đường, tách thửa đất cho ông T1 và thông báo số tiền chạy lo làm hồ sơ là 800.000.000 đồng, đưa trước 400.000.000 đồng, không có tiền hoa hồng, trong thời gian 04 tháng.

Sau đó, H thông báo lại cho T2 và Văn K1 biết là có người nhận chạy lo làm hồ sơ tách thửa đất, mở đường cho ông T1. Do muốn có tiền huê hồng nên H bàn bạc thống nhất với Văn K1 và T2 nâng số tiền “chạy lo” làm hồ sơ thủ tục xin mở đường, tách thửa đất lên 1.400.000.000 đồng để thỏa thuận với ông T1 thì ông T1 đồng ý. Đến ngày 02-12-2021, tại quán nước đầu Kênh T, H và ông T1 lấy mẫu hợp đồng đặt cọc mua bán đất sửa lại thành hợp đồng đặt cọc chạy

lo dịch vụ pháp lý làm đường, tách thửa, rồi **H** và ông **T1** ký hợp đồng đặt cọc, ông **Văn K1** ký tên người làm chứng, hợp đồng không công chứng. Nội dung hợp đồng thể hiện: Làm đường, tách thửa đất nói trên với tổng số tiền 1.400.000.000 đồng; Thời hạn 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Đặt cọc 02 lần vào các ngày 07 và 17 tháng 12-2021, số tiền 1.000.000.000 đồng; Đến ngày 07-4-2022, sau khi **H** bàn giao cho ông **T1** 03 cuốn sổ được tách ra từ thửa đất số 44 nói trên và mỗi cuốn sổ đều được thể hiện đường riêng thì thanh toán số tiền còn lại. Mục đích của việc ký hợp đồng là để làm tin khi nào **H** chạy lo không làm được thì trả lại tiền.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, **H** gọi điện thoại nói với ông **T1** “Sếp nói từ đây đến cuối năm ở **D** chỉ còn hai suất để chạy hồ sơ làm đường, tách thửa” và nhiều lần nói làm được nên vào các ngày 08, 09, 17 và 21 tháng 12-2024, ông **T1** chuyển khoản cho **Văn K1** 05 lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, rồi **Văn K1** rút tiền mặt đưa lại cho **H**. Hơn đưa cho **Tuấn K** 400.000.000 đồng, chia cho **Văn K1** 100.000.000 đồng và chia cho **T2** 205.000.000 đồng, còn lại 295.000.000 đồng Hơn cất giữ. Sau khi nhận tiền, **Tuấn K** không liên hệ, không làm hồ sơ và không có động thái gì liên quan đến việc chạy lo làm hồ sơ thủ tục mở đường, tách thửa đất cho ông **T1**. **Tuấn K** sử dụng hết số tiền 400.000.000 đồng vào mục đích cá nhân. Đến tháng 5-2023, ông **T1** trực tiếp làm hồ sơ thủ tục tách thửa đất nói trên thành 10 thửa đất (không có mở đường trên đất), rồi sang nhượng lại cho nhiều người, sau đó ông **T1** tố cáo vụ việc đến cơ quan Công an.

*Kết luận giám định số 348/KL-KTHS ngày 30-3-2025 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:*

+ Chữ viết, chữ ký mang tên “**Nguyễn Văn K1**” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A01; A02) với chữ viết, chữ ký của “**Nguyễn Văn K1**” trên tài liệu mẫu (Ký hiệu M01) là do cùng một người viết và ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký mang tên “**Huỳnh Văn H**” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A01) với chữ viết, chữ ký của “**Huỳnh Văn H**” trên tài liệu mẫu (Ký hiệu M02) là do cùng một người viết và ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký mang tên “**Nguyễn Văn T1**” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A01; A02) với chữ viết, chữ ký của “**Nguyễn Văn T1**” trên tài liệu mẫu (Ký hiệu M04) là do cùng một người viết và ký ra.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện **Tuấn K** có sở hữu tài sản nhưng đã thế chấp ngân hàng nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông **H** yêu cầu bị cáo **K** trả lại số tiền 400.000.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.  
Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt  
tù tính từ ngày 14-02-2025.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584,  
585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K bồi thường cho ông  
Huỳnh Văn H số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên: Ân phí, quyền kháng cáo theo quy định của  
pháp luật.

Ngày 13-10-2025, bị cáo Nguyễn Tuấn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình  
phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Căn cứ điểm a  
khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Giữ nguyên Bản án  
hình sự sơ thẩm số: 63/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án  
nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến, với nội dung:* Bị cáo đã khắc  
phục bồi thường được số tiền 30.000.000 đồng, đây là số tiền vợ bị cáo phải vay  
mượn của nhiều người trong hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn; nên đề nghị  
Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định  
tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo vì nợ nần dẫn đến bế tắc  
nên thực hiện hành vi phạm tội, tuy vậy việc tách thửa đã thành công nên có thể  
xem là đã khắc phục xong hậu quả; bị cáo là trụ cột chính trong gia đình; bị cáo  
có nhiều bệnh nên phải thăm khám thường xuyên. Từ những phân tích trên đề  
nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất, không bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm  
tội của mình; bị cáo đã gây ra thiệt hại cho bị hại cũng như khó khăn cho gia  
đình; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án  
đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn  
theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đủ điều  
kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm là hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo, thấy rằng: Vào thời điểm năm 2021 bị cáo **K** biết rõ Ủy ban nhân dân tỉnh **T** có văn bản chỉ đạo siết chặt việc phân lô, tách thửa đất, công nhận đường trên giấy đất. Do đang thiếu nợ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông **H**; nên mặc dù biết rõ bản thân không thể thực hiện được công việc nhưng bị cáo nói dối nói với ông **H** có thể “chạy lo” hồ sơ thủ tục xin mở đường, tách thửa đất số 44, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.7554 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại **ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh**; với số tiền là 800.000.000 đồng trong thời gian 04 tháng. Sau khi nhận số tiền 400.000.000 đồng của ông **H**, bị cáo sử dụng hết số tiền vào mục đích cá nhân mà không liên hệ, không làm hồ sơ và không có động thái gì liên quan đến việc chạy lo làm hồ sơ thủ tục mở đường, tách thửa đất; khi quá thời hạn cam kết 04 tháng bị cáo đưa ra các lý do “Chưa làm được”, “đang làm”, “Nhà nước đang siết chặt việc phân lô, tách thửa”..., đồng thời bị cáo thuê Công ty đo đạc lập bản trích đo mục đích kéo dài thời gian nhằm làm cho bị hại tin tưởng tiếp tục chờ đợi. Trong khi Ủy ban nhân dân xã **C**, tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số 210/UBND-KT ngày 17-9-2025, có nội dung: “Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, tại xã **P**, huyện **D**, tỉnh Tây Ninh (nay là xã **C**, tỉnh Tây Ninh) không nằm trong các trường hợp vận động người dân mở rộng hoặc mở mới đường giao thông nông thôn, phục vụ mục đích công cộng và không có chủ trương cho phép mở mới đường giao thông tại vị trí thửa đất nêu trên” (bút lục 523). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **K** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng:

[3.1] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo **K** có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **C**, tỉnh Tây Ninh, bị cáo được Bộ **Q** tặng kỷ niệm chương do có nhiều cống hiến xây dựng lực lượng vũ trang quân chúng; có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng các giấy khen của các cấp, các ngành; mẹ của bị cáo công tác tại địa phương đóng góp nhiều công sức được tặng thưởng nhiều kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn phòng cấp uỷ, vì sự nghiệp công tác tổ chức đảng, là một đảng viên gương mẫu, năm 2023 được tặng huy hiệu 40 năm tuổi đảng; cha bị cáo tham gia kháng chiến có bà nội **Võ Thị K2** được phong tặng Mẹ Việt Nam Anh Hùng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên được áp dụng các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

[3.2] Gia đình bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần thiệt hại; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Xét thấy nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nên xét thấy cần giảm nhẹ một phần mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo; tuy nhiên, thấy rằng số tiền bị cáo đã bồi thường nhỏ, chưa đến 1/10 số tiền chiếm đoạt 400.000.000 đồng nên khi xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới tại tiểu mục [3.2] Hội đồng xét xử xem xét đến mức độ bồi thường để cân nhắc hình phạt nhằm đảm bảo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.500.000 đồng tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành theo quy định tại Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Tuấn K.**

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-02-2025.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo **Nguyễn Tuấn K** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **Huỳnh Văn H** số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo **Nguyễn Tuấn K** đã bồi thường cho bị hại được số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại Biên lai thu số 0000216 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông **Huỳnh Văn H** số tiền 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng.

**3.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **4. Án phí:**

**4.1.** Bị cáo **Nguyễn Tuấn K** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 18.500.000 (mười tám triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.2.** Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

**7.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND T.TN;
- TAND Khu vực 11 – Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 11 – Tây Ninh;
- P. THADS Khu vực 11 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Văn phòng Cơ quan điều tra CA Tỉnh TN;
- Phòng TTKTNV và THA TATTN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Tông**